

ẨN DỤ Ý NIỆM “TỨC GIẬN LÀ SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT

*Nghiêm Hồng Vân**

Theo Lakoff và các cộng sự, bản chất tình cảm con người rất trừu tượng và trong một chừng mực nhất định, nó được ý niệm hóa và diễn tả qua ẩn dụ dựa trên quá trình nghiệm thân kết hợp với mô hình văn hóa. Lakoff tổng hợp một số ẩn dụ diễn đạt cảm xúc “tức giận” của con người như “TỨC GIẬN là NHIỆT”, “TỨC GIẬN là LỬA”, “TỨC GIẬN là CHẤT LỎNG NÓNG TRONG BÌNH CHỨA”, “TỨC GIẬN là MẤT KIỂM SOÁT”, “TỨC GIẬN là ĐỐI THỦ (trong cuộc chiến)”, “TỨC GIẬN là THÚ DỮ”, “TỨC GIẬN là GÁNH NẶNG”. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, trong tiếng Việt và tiếng Nhật còn tồn tại ẩn dụ ý niệm “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” mà không được Lakoff đề cập tới. Bài viết này thống kê số lượng biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” thu thập được từ hệ thống ngữ liệu truyện ngắn tiếng Việt và tiếng Nhật cũng như bàn về những điểm tương đồng và khác biệt giữa các biểu thức loại này trong hai thứ tiếng.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm, cảm xúc, tức giận, sức mạnh thiên nhiên.

According to Lakoff and his partners, human emotion by nature is very abstract and to a certain extent, is conceptualized and expressed through metaphors based on human-body experiences and cultural models. Lakoff aggregates some metaphors for ‘anger’ such as “ANGER is HEAT”, “ANGER is FIRE”, “ANGER is THE HOT FLUID IN A CONTAINER”, “ANGER is THE LOSS OF CONTROL”, “ANGER is AN OPPONENT (in a struggle)”, “ANGER is A DANGEROUS ANIMAL”, “ANGER is A BURDEN”. However, our survey shows that in Vietnamese and Japanese, there exists a conceptual metaphor “ANGER is NATURAL FORCE” which is not mentioned in Lakoff’s thesis. This paper summarizes the number of metaphorical expressions “ANGER is NATURAL FORCE” collected from the Vietnamese and Japanese short stories and discusses the similarities and differences in such metaphor in the two languages.

Key words: conceptual metaphor, emotion, anger, natural force.

1. Đặt vấn đề

Cảm xúc với vai trò là một trong những trải nghiệm phổ biến nhất của con người, đã được khái niệm hóa và biểu thị theo nhiều phương thức ẩn dụ khác nhau. Ẩn

dụ ý niệm (conceptual metaphor) đóng vai trò quan trọng trong việc khái niệm hóa cảm xúc. Từ lâu việc nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm diễn đạt các cảm xúc cơ bản của con người đã trở thành đề tài nghiên cứu thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới cũng như các

* ThS., Khoa tiếng Nhật Bản, Trường Đại học Hà Nội

nhà Việt ngữ học. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung quan tâm đến phạm trù cảm xúc cơ bản của con người là “tức giận”.

Chúng tôi tiến hành khảo sát 476 biểu thức ẩn dụ tiếng Việt và 315 biểu thức ẩn dụ tiếng Nhật diễn đạt cảm xúc “tức giận” và xác định tỉ lệ biểu thức ẩn dụ ý niệm “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong hệ thống ngữ liệu thu thập được, tìm ra nét tương đồng và khác biệt của chúng, chủ yếu là về miền nguồn thông dụng và cơ chế tri nhận trong các ẩn dụ đó. Ngoài ra, chúng tôi cũng dùng mô hình ẩn dụ của ngôn ngữ học tri nhận để giải thích yếu tố biểu thị cảm xúc “tức giận” ở những biểu thức được khảo sát.

2. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu

Chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê và phối hợp chủ yếu hai phương pháp: miêu tả phân tích và so sánh đối chiếu để thực hiện nghiên cứu này. Trước hết chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu là các biểu thức ẩn dụ ý niệm diễn đạt sự “tức giận” trong tiếng Việt và tiếng Nhật. Bước tiếp theo, chúng tôi tiến hành phân loại các biểu thức ẩn dụ ý niệm từ ngữ liệu thu được theo lý thuyết về phân loại ẩn dụ ý niệm, ánh xạ và cơ chế ánh xạ của Kovecses [7] và Lakoff [10]. Sau đó, chúng tôi lập bảng liệt kê các biểu thức ẩn dụ ý niệm “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong hai thứ tiếng và tiến hành miêu tả chúng, từ đó đúc kết một số nhận định về sự giống và khác nhau của hai nhóm biểu thức ẩn dụ này về miền nguồn thông dụng và cơ chế tri nhận.

Nguồn ngữ liệu tiếng Việt được lấy từ truyện ngắn của các nhà văn Nguyễn Nhật Ánh (1955), Nguyễn Thị Thu Huệ (1966), Phan Hồn Nhiên (1972), Nguyễn Hoàng Hải (1976). Nguồn ngữ liệu tiếng Nhật được lấy từ truyện ngắn của Ikeido Jun (1963), Hosoda Mamoru (1967), Makoto Shinkai (1973). Đây là các tác giả nổi tiếng ở Việt Nam và Nhật Bản về mảng truyện viết cho tuổi trẻ, lứa tuổi có sự phát triển mạnh về tâm lý, với nhiều trạng thái cảm xúc trong quá trình tìm hiểu, nhận biết và tự khẳng định mình trong xã hội. Chúng tôi lựa chọn truyện ngắn nổi tiếng của các tác giả này nhằm mục đích thu được nhiều nhất có thể các biểu thức ẩn dụ “tức giận”.

3. Một số khái niệm là cơ sở để tiến hành nghiên cứu

- **Ẩn dụ ý niệm:** Tác giả Trần Văn Cơ [1] định nghĩa: “Ẩn dụ tri nhận (hay còn gọi là ẩn dụ ý niệm) là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới”. Nói cách khác, ẩn dụ ý niệm là sự ý niệm hóa một miền tinh thần qua một miền tinh thần khác gọi là sự ánh xạ (mapping), có hệ thống từ một miền nguồn sang một miền đích nhằm tạo nên một mô hình tri nhận (mô hình ẩn dụ) giúp lĩnh hội một miền đích cụ thể, hiệu quả hơn.

- **Miền ý niệm:** miền ý niệm có thể hiểu là tập hợp các ý niệm gắn gũi về nội dung tinh thần như các thực thể tri nhận, các thuộc tính, các quan hệ. Các thực thể

tri nhận còn gọi là các yếu tố (elements) của miền, thường được gọi tên bằng các danh từ hay danh ngữ. Các thuộc tính cùng với các quan hệ tạo thành hệ thống các phương diện (aspects) của miền ý niệm. Những phương diện này được thể hiện trong ngôn ngữ bằng các tính từ hoặc động từ.

- **Miền nguồn (Source domain) và miền đích (Target domain):** là thuật ngữ quy chiếu tới các miền ý niệm trong cấu trúc ẩn dụ ý niệm. Miền nguồn được hình thành chủ yếu do sự trải nghiệm của bản thân con người thông qua các hoạt động tri giác không gian, tác động tới vật thể và cảm nhận thể giới khách quan. Do đó những hình ảnh của miền nguồn có thể được hiểu là những gì cụ thể, có thể sờ nắm và tiếp xúc bằng các giác quan. Còn miền đích là miền thiếu những hình ảnh cụ thể như tư tưởng, tình cảm, thời gian, sự sống, cái chết, tri thức... Những ý niệm thuộc về miền đích thường trừu tượng và không thể tiếp xúc bằng các giác quan,

chúng ta chỉ có thể cảm nhận và tri nhận chúng bằng trí óc.

- **Ánh xạ và cơ chế ánh xạ:** Ánh xạ là quá trình phóng chiếu từ miền nguồn đến miền đích. Mỗi ánh xạ là một tập hợp cố định các tương ứng bản thể giữa các thực thể trong một miền nguồn và các thực thể trong một miền đích. Những cấu trúc lược đồ hình ảnh của miền nguồn được phóng chiếu lên miền đích theo cách phù hợp với cấu trúc cố hữu của miền đích. Các ánh xạ không phải bất kì, mà căn cứ vào cơ thể và kinh nghiệm hàng ngày và tri thức.

Kết quả thống kê

Trong tổng số 476 biểu thức ẩn dụ ý niệm “tức giận” thu thập được trong ngữ liệu tiếng Việt và 315 biểu thức loại này thu thập được trong ngữ liệu tiếng Nhật, chúng tôi đã thống kê được số lượng biểu thức ẩn dụ ý niệm “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong mỗi thứ tiếng như trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Thông kê biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong tiếng Việt và tiếng Nhật

Ngữ liệu	Số lượng	Tỉ lệ	Miền nguồn thông dụng
Tiếng Việt	35/476	7,4 %	Mưa, bão, gió, giông tố, sóng, sấm sét
Tiếng Nhật	8/315	2,5 %	Gió, bão, sóng, sấm sét, núi lửa

Từ bảng 1 có thể thấy, tuy số lượng không nhiều nhưng mô hình ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” là mô hình tri nhận xuất hiện ở cả hai thứ tiếng. Trong ngữ liệu tiếng Việt, chúng tôi thu được 35 biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN”, chiếm 7,4% tổng số biểu thức ẩn dụ về cảm xúc “tức giận” thu thập được. Trong ngữ liệu tiếng Nhật chúng tôi chỉ thu được 8 biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN”, chiếm 2,5% tổng số biểu thức ẩn dụ về cảm xúc “tức giận” thu thập được. Điều đó cho thấy, ở một chừng mực nhất định, tiếng Việt diễn đạt cảm xúc “tức giận” thông qua phương pháp ẩn dụ trên cơ sở kinh nghiệm thân thể, kinh nghiệm tâm sinh lý cũng như kinh nghiệm tương tác với thế giới thiên nhiên, thời tiết, khí hậu rộng hơn và rõ nét hơn so với trong tiếng Nhật.

4. Điểm tương đồng và khác biệt của ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong tiếng Việt và tiếng Nhật

Qua khảo sát hai nhóm biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN

NHIÊN” trong tiếng Việt và tiếng Nhật, chúng tôi rút ra một số nhận xét về sự tương đồng và khác biệt của hai nhóm biểu thức này như sau:

4.1. Điểm tương đồng

Miền nguồn thông dụng và cơ sở tri nhận trong biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” trong hai thứ tiếng khá giống nhau. Nhiều biểu hiện của cảm xúc “tức giận” giống như sức mạnh mang tính hủy diệt của thiên nhiên, bởi sức mạnh đó thường ập đến một cách đầy bất ngờ và không tài nào chống nổi. Theo đó, cảm xúc “tức giận” đã được ý niệm hóa thông qua ánh xạ liên quan đến sức mạnh của các hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên, chẳng hạn như hoạt động của mưa bão, sấm chớp, giông tố, núi lửa, sóng hay những đợt thủy triều, những trận lũ quét,... chúng bất ngờ xuất hiện, hoành hành, rồi tan biến. Bảng 2 dưới đây hệ thống số lần các miền nguồn thông dụng xuất hiện trong các biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” thu được từ hệ thống ngữ liệu trong hai thứ tiếng.

Bảng 2: Miền nguồn thông dụng trong các biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN”

Miền nguồn	Mưa bão, giông tố	Sấm sét	Gió	Sóng	Núi lửa
Tiếng Việt	22	7	3	3	0
Tiếng Nhật	2	1	1	2	2

Trong mô hình ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN”, tiếng Việt và tiếng Nhật có sự tương đồng ở chỗ các

thuộc tính, đặc tính của “thiên nhiên dữ dội” như mưa, bão, giông tố, sấm sét, sóng, gió đã được gán cho cảm xúc “tức

giận”. Cơ sở trải nghiệm của ẩn dụ này như sau:

a. **Sấm sét, giông tố, mưa bão** có tính chất nguy hiểm rất cao, thường đến bất chợt, những hạt mưa to đập mạnh vào vạn vật và gây tàn phá cho vạn vật; tiếng sấm là tiếng nổ lớn khi có hiện tượng phóng điện trong đám mây. Khi tức giận, để trút nguồn cơn, con người cũng thường phát ra những tiếng gầm thét khủng khiếp, hoặc có những hành động quá kích, gây nguy hiểm cho người và vật xung quanh. Sự tương tự của những trải nghiệm trên là cơ sở của ẩn dụ biểu đạt cảm xúc từ miền nguồn “sấm sét” và “mưa bão” tới miền đích cảm xúc “tức giận”.

1) Tôi đứng im, cụp mắt nhìn xuống sàn, những ngón tay vặn xoắn vào nhau. **Giông tố** sắp **giáng xuống** rồi đấy. (Phan Hồn Nhiên)

2) Và nếu ta lỡ nói ra, vợ ta cảm thấy bị mất mặt, **nổi cơn lôi đình** lên thì làm sao? (Nguyễn Nhật Ánh)

3) **Cơn giận dữ tằm tôi tràn đến**. Tôi giật mạnh hai đầu chéo khăn. Cổ họng Kat bị siết chặt. (Phan Hồn Nhiên)

4) **Cảm giác phần nộ lướt qua đầu** Vĩnh. Bọn nhà giàu khôn kiếp, cái thằng Vĩnh ấy. Yêu người ta chán chê, nó vứt người ta đi như một mảnh giẻ rách. (Phan Hồn Nhiên)

5) Tai không chỉ dùng để nghe mà còn để người khác **trút cơn thịnh nộ**. (Nguyễn Nhật Ánh)

6) Vừa gầm lên vợ tôi vừa tiến đến tôi với **dấu hiệu của cơn bão cấp mười**. (Nguyễn Nhật Ánh)

7) 怒りが嵐のように襲ってきました (Ikeido)

(**Cơn giận tràn đến như một cơn bão**).

8) 三葉は雷のような声で怒鳴った. (Shinkai)

(Mitsuba **gào thét như tiếng sấm**).

b. **Gió** là hiện tượng tự nhiên, hình thành do sự chuyển động của không khí trên một quy mô lớn. Gió vô hình, không quan sát được bằng mắt, nhưng có thể được nhận biết qua âm thanh. Gió tác động lên mọi vật xung quanh, có thể đem lại cảm giác dễ chịu nhưng cũng gây ra thiên tai. Con người khi tức giận thì tiếng nói cũng hằn học, day nghiêng hoặc xối xả lên những người xung quanh khiến họ bị tổn thương.

9) Sứ giả nói nhỏ, từng từ phát ra như **gió rút**: “Ta không cần tên này. Mi đừng quên ta không dùng năng lượng của kẻ nào đó lần thứ hai”. (Phan Hồn Nhiên)

10) 怒りが疾風のように心を満たした. (Makoto)

(**Cơn giận như trận cuồng phong bao trùm tâm hồn** nó).

c. **Sóng** là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng. Sóng mạnh thường gây cảm giác bất an, và thực tế nó cũng tạo ra mối nguy hiểm cho con người. Con người khi tức giận cũng rơi vào tình trạng mất bình tĩnh, rồi dẫn đến cáu gắt,

khi cơn giận vẫn tiếp tục dâng trào thì giống như những đợt sóng ngày càng dữ dội trào cuộn, lan tỏa gây nên những hiệu ứng sinh lý không tích cực cho chủ thể cảm xúc. Vì thế, trong cả tiếng Việt và tiếng Nhật, *sóng* cũng được sử dụng để nói về sự “tức giận”. Tuy nhiên, nếu xét về tỉ lệ các biểu thức ẩn dụ diễn đạt cảm xúc “tức giận” sử dụng miền nguồn là *sóng* trong 2 thứ tiếng thì thấy tiếng Nhật có tỉ lệ cao hơn hẳn (tiếng Nhật: 2/7, tiếng Việt: 3/22). Điều này có thể lý giải rằng Nhật Bản là một đảo quốc, xung quanh Nhật Bản đều là biển, biển và sóng là những thứ tồn tại gần gũi nhưng cũng đầy mối đe dọa đối với người Nhật, nhất là sóng thần nên hình ảnh *sóng* được sử dụng để phóng chiếu lên ý niệm trừu tượng là cảm xúc tiêu cực “tức giận”.

11) Bị chạm nọc, một *con phần nộ* điên cuồng *cuộn lên* trong tôi. (Nguyễn Nhật Ánh)

12) 激しい憤りが僕の頭の中で渦を巻いた. (Ikeido)

(*Sự phần nộ khủng khiếp xoáy cuộn* trong đầu Tsukuda.)

13) 怒りが激しい波のように全身に広がっている. (Shinkai)

(*Cơn giận như những đợt sóng lớn lan tỏa* toàn thân Matsuba.)

4.2. Điểm khác biệt

a. Mô hình “con + từ loại khác” trong các biểu thức ẩn dụ tiếng Việt

Trong các biểu thức ẩn dụ diễn đạt cảm xúc “tức giận” của tiếng Việt, thường bắt gặp mô hình “con + từ loại khác”.

14) Một tiếng động vang lên lúc này có khác gì một quả bom nguyên tử nổ. Ai sẽ bảo vệ ta trước *con thịnh nộ* chính đáng của vợ? (Nguyễn Nhật Ánh)

15) Trong *con bực tức*, tôi nằm nhà suốt một ngày, không thềm ló mặt ra đường. (Nguyễn Nhật Ánh)

16) Thế là đang *con giận*, tôi ném thẳng vào lưng cô ta. (Nguyễn Thị Thu Huệ)

Từ “con” trong tiếng Việt khi kết hợp với những từ đứng sau nó thường để chỉ điều không mong muốn, chẳng hạn như: những việc tiêu cực xảy ra với thân thể con người (*con đau*, *con nhồi máu*, *con đói*, *con khát*, *con điên*, *con sốt*, *con nghiện*...), những hoàn cảnh khó khăn vất vả (*con hoạn nạn*, *con bĩ cực*...) và đặc biệt là các hiện tượng tự nhiên không thuận lợi (*con mưa*, *con gió*, *con bão*, *con sóng thần*...). Có lẽ bởi “tức giận” là cũng là một phạm trù cảm xúc tác động tiêu cực đến chủ thể trải nghiệm nên người Việt ý niệm hóa cảm xúc “tức giận” như một cái gì đó xấu, và thường nói là *con giận*, *con bực*, *con phần nộ*...

b. Miền nguồn núi lửa trong các biểu thức ẩn dụ tiếng Nhật

Khác với tiếng Việt, trong các biểu thức ẩn dụ “TỨC GIẬN LÀ SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” của tiếng Nhật còn xuất hiện một miền nguồn nữa là *núi lửa*.

17) 参謀の態度に、**憤怒**の念が噴出した。(Ikeido)

(*Nổi tức giận phun trào* trước thái độ của viên tham mưu).

18) 根木の言い様に**怒り**が噴き上げたとき、津野は、携帯をベッドに放り投げた。(Ikeido)

(Tsuno quăng chiếc điện thoại lên giường khi *nổi tức giận phun trào* trước câu nói lắc cắc của Negi).

Có thể giải thích cơ sở của trải nghiệm này như sau: khi nói đến *núi lửa* người ta sẽ ngay lập tức liên tưởng tới những dòng nham thạch cuộn cuộn phun trào ra từ lòng đất với sức nóng lên tới hàng nghìn độ C. Khi con người rơi vào trạng thái “tức giận” thì lượng máu dưới da tăng lên, nhiệt độ cơ thể cũng tăng, áp suất nội bộ tăng, hô hấp tăng mạnh khiến cho người ta cảm thấy có luồng khí nóng phát ra từ phổi. Ở đây, *núi lửa* được coi như “bầu chứa” còn sự phun trào của nó được ví như sự tức giận ở mức độ đỉnh cao.

Người Nhật liên tưởng sự “tức giận” với hình ảnh *núi lửa* phải chăng bởi *núi lửa* phun trào là hiện tượng tự nhiên thường xuyên xảy ra tại đây. Quốc đảo này nằm dọc theo vành đai lửa Thái Bình Dương – nơi có nhiều động đất và núi lửa phun trào nhất thế giới (81% các trận động đất lớn nhất thế giới xảy ra ở vành đai này). Điều này cũng giống như Việt Nam nằm trọn trong vùng nhiệt đới, nóng ẩm quanh năm và mưa nhiều nên người

Việt thường liên tưởng sự “tức giận” với hình ảnh của những cơn mưa gió, giông bão.

c. Tiếng Việt quy chiếu toàn bộ quá trình của hiện tượng tự nhiên lên quá trình cảm xúc “tức giận”

Một điểm khác biệt nữa là trong ẩn dụ “TỨC GIẬN là SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN” của tiếng Việt, người Việt tư duy và liên tưởng đến cả quá trình diễn ra hiện tượng tự nhiên nào đó để quy chiếu lên quá trình cảm xúc “tức giận”, cụ thể như khi bắt đầu tức giận (ví dụ 1, 2, 3), khi cơn giận tiếp tục và gia tăng mức độ (ví dụ 9, 11), khi hết giận (ví dụ 19, 20). Trong tư duy của người Việt, khi thiên tai qua đi, vạn vật trở lại yên bình đồng nghĩa với chủ thể cảm xúc “tức giận” hết giận, không còn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực lên người và vật xung quanh.

19) *Con giận* của má tức khắc *tan biến*. (Phan Hồn Nhiên)

20) Phải im lặng cho đến chừng nào *cơn bão qua đi*. (Nguyễn Nhật Ánh)

Ngữ liệu tiếng Nhật thu được cho thấy, hầu hết các biểu thức ẩn dụ loại này đều miêu tả chủ thể khi ở trạng thái đang tức giận và tức giận ở mức cao độ (ví dụ 8, 10, 12, 13, 17, 18).

5. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã trình bày một cách ngắn gọn về những điểm tương đồng và khác biệt trong các biểu thức ẩn dụ ý niệm “TỨC GIẬN là SỨC

MẠNH THIÊN NHIÊN” giữa tiếng Việt và tiếng Nhật qua hệ thống ngữ liệu thu thập được. Trên cơ sở đó, có thể tạm kết luận rằng: tiếng Việt và tiếng Nhật có sự tương đồng khi gắn các thuộc tính, đặc tính của “thiên nhiên dữ dội” như mưa, bão, giông tố, sấm sét, sóng, gió cho cảm xúc “tức giận”. Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn là người Nhật còn liên tưởng sự “tức giận” với hình ảnh núi lửa hoạt động, điều này không được quan sát thấy trong tiếng Việt. Điều đó có nghĩa là trong khi cảm nhận về thế giới quan của con người có thể giống nhau thì sự biểu đạt cảm xúc ấy qua việc sử dụng ngôn ngữ là khác nhau. Cái khác nhau cơ bản trong sự biểu đạt cảm xúc “tức giận” bằng ngôn ngữ của hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản là do vị trí địa lý của mỗi nước ảnh hưởng tới tư duy của người dân mỗi dân tộc.

Kết luận nêu trên dĩ nhiên chỉ giới hạn trong phạm vi ngữ liệu chúng tôi thu thập được nên chắc chắn chưa đầy đủ và mang tính tuyệt đối. Những vấn đề liên quan đến ẩn dụ ý niệm về cảm xúc “tức giận” nói chung sẽ được tiếp tục mở rộng nghiên cứu và trình bày ở phạm vi rộng và sâu hơn trong những công trình kế tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2012), *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục.
3. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận – Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Phương Đông, Tp Hồ Chí Minh.
4. 大堀壽夫 (2008) 「認知言語学」、東京大学出版会
5. 河原修一 (1998) 「感情を表す日本語の言葉」、『国語国文』第23号、金沢大学国語国文学会
6. 韓濤 (2013) .「第12 章 認知言語学」劉笑明・劉巖 (編著)『言語学—理論と応用—』 pp.325-370.天津：南開大学出版社.
7. Kovecses (2010), *Metaphor: A Practical Introduction, (Second Edition)*, Oxford University Press, Oxford.
8. Lakoff, George and Mark, Johnson (1980). *Metaphors we live by*. Chicago: University of Chicago Press.
9. Lakoff, George (1987). *Women, fire, and dangerous things*. Chicago: The University of Chicago Press.
10. Lakoff , George (1993). The contemporary theory of metaphor. A. Ortony(ed.), *Metaphor and thought*, 202-251, Cambridge University Press.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 03/5/2017, duyệt đăng ngày 30/6/2017)